

**ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC**

**BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 05/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 12/05/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	29206546815	Nguyễn Thị An	10/01/2005	Gia Lai	31TBN19	V	V	Không Đạt	
2	28217101550	Lương Tuấn Anh	13/05/2004	Đắk Nông	30TYC6	9,0	8,8	Đạt	
3	28214602849	Nguyễn Đăng Việt	08/04/2004	Đà Nẵng	31SYC8	5,7	7,0	Đạt	
4	28204946410	Nguyễn Thị Tâm	14/05/2004	Hồ Chí Minh	31CHT10	6,0	6,3	Đạt	
5	28204650639	Nguyễn Văn Anh	08/09/2004	Quảng Bình	30TYC13	7,3	6,0	Đạt	
6	24205307139	Thái Thị Hoàng	09/12/2000	Nghệ An	31TBN19	9,3	5,3	Đạt	
7	28208028350	Trần Lan Anh	02/03/2004	Đà Nẵng	31TYC16	9,7	6,8	Đạt	
8	29214353654	Phạm Quốc Bảo	18/08/2005	Đà Nẵng	31TBN19	10,0	7,5	Đạt	
9	28204606436	Nguyễn Thị Ngọc Châu	19/07/2004	Hội An	31TBN19	9,7	4,5	Không Đạt	
10	28205254425	Lê Hữu Loan Chi	10/06/2003	Quảng Trị	31TBN19	7,0	4,0	Không Đạt	
11	27215302573	Trịnh Chí Đạt	21/10/2003	Thanh Hóa	31TYC16	9,3	8,5	Đạt	
12	29214658503	Đỗ Đình Đức	01/03/2005	Thanh Hóa	31TBN19	7,7	6,5	Đạt	
13	28218105696	Lê Hoàng Duy	03/06/2004	Đà Nẵng	31SSC6	6,0		Không Đạt	
14	28212201430	Nguyễn Thanh Triệu Duy	12/10/2004	Bình Định	31TYC16	9,3	10,0	Đạt	
15	28207236002	Cáp Thị Mỹ Duyên	16/01/2004	Lâm Đồng	31TYC16	9,0	9,5	Đạt	
16	27215333941	Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên	09/10/2003	Đắk Lắk	31TYC16	9,0	5,5	Đạt	
17	28208103584	Phạm Thị Mỹ Duyên	09/10/2004	Đắk Lắk	31SSC6	9,0	6,5	Đạt	
18	29206565489	H Đô Na Êban	02/08/2005	Hà Nội	31TBN19	7,0	4,3	Không Đạt	
19	28206700511	H-Loai Ênuôl	26/02/2003	Đắk Lắk	31CYC10	8,0	6,5	Đạt	
20	28204350691	Nguyễn Ngọc Quỳnh Giang	07/11/2001	Đà Nẵng	31CHT10	9,7	6,0	Đạt	
21	28206249283	Nguyễn Thị Hương Giang	11/05/2004	Đắk Lắk	31CYC3	5,3	5,0	Đạt	
22	28208048184	Nguyễn Thị Hương Giang	26/06/2004	Đà Nẵng	31TYC16	3,7	4,3	Không Đạt	
23	28209305849	Võ Thị Thu Hà	14/07/2004	Quảng Nam	31TBN19	7,0	3,8	Không Đạt	
24	28214305381	Lê Quang Hải	25/05/2004	Quảng Trị	31TBN19	7,0	3,8	Không Đạt	
25	27215351415	Lưu Duy Hải	26/03/2003	Đắk Lắk	31TYC16	9,0	7,3	Đạt	
26	28216649648	Võ Minh Hải	15/07/2003	Quảng Nam	32SHT1	9,7	6,3	Đạt	
27	29207150133	Nguyễn Thị Ngọc Hân	01/03/2005	Bình Định	31TBN19	9,3	6,8	Đạt	
28	28204905289	Lê Đào Phương Hậu	24/08/2004	Đà Nẵng	31THT7	8,0	6,8	Đạt	
29	29214641155	Bùi Mạnh Hiếu	16/11/2004	Lâm Đồng	31TBN19	9,3	5,5	Đạt	
30	29214557332	Nguyễn Hiếu	19/03/2005	Đắk Lắk	31TYC16	V	V	Không Đạt	
31	27215351497	Phan Thanh Hiếu	01/06/2003	Khánh Hòa	31TYC16	9,7	9,8	Đạt	
32	29217300016	Lê Quốc Hoàng	21/07/2005	Gia Lai	31TYC16	8,7	8,8	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NOI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	29218063766	Trần Văn Hùng	11/08/2005	Đà Nẵng	31TYC16	9,0	6,8	Đạt	
34	29212354078	Nguyễn Văn Hữu	03/11/2005	Quảng Nam	31TYC16	10,0	9,5	Đạt	
35	28216901083	Cao Gia Huy	13/11/2004	Khánh Hòa	32THT1	10,0	10,0	Đạt	
36	27215301970	Nguyễn Lê Thanh Huy	13/10/2003	Đà Nẵng	31TBN19	10,0	6,0	Đạt	
37	29214526118	Trương Đức Huy	15/11/2005	Đà Nẵng	31TBN19	8,7	5,0	Đạt	
38	28212249750	Trịnh Nhật Huynh	06/08/2004	Đắk Lắk	31TYC16	8,0	8,8	Đạt	
39	29214556821	Lê Anh Khoa	16/04/2005	Quảng Ngãi	31TYC16	V	V	Không Đạt	
40	28211349105	Nguyễn Xuân Khoa	28/01/2004	Đà Nẵng	31TYC16	10,0	9,0	Đạt	
41	28212705087	Võ Duy Kiên	30/05/2004	Quảng Trị	31TYC16	5,0	3,5	Không Đạt	
42	28207254496	Lê Thị Ngọc Linh	30/11/2004	Gia Lai	31TYC16	7,0	5,5	Đạt	
43	28204102391	Tương Thị Như Lộc	07/07/2004	Quảng Nam	31THT17	8,7	5,0	Đạt	
44	28218032222	Phạm Đoàn Việt Long	26/06/2004	Đà Nẵng	31TBN19	7,7	6,5	Đạt	
45	29217356380	Phan Nguyễn Bảo Minh	18/04/2005	Gia Lai	31TYC16	8,3	6,8	Đạt	
46	28208139689	Lê Đình Thúy Nga	13/10/2004	Quảng Nam	31TYC16	9,0	7,0	Đạt	
47	29204635394	Bùi Thanh Ngân	24/10/2005	Đắk Lắk	31TSC13	7,7	4,0	Không Đạt	
48	27204339049	Nguyễn Hoàng Ánh Ngân	07/12/2003	Đà Nẵng	31TYC16	8,3	6,5	Đạt	
49	28212347094	Phan Thanh Ngọc	22/04/2004	Quảng Ngãi	31CBN10	V	V	Không Đạt	
50	29206221927	Lê Châu Thảo Nguyên	25/05/2005	Quảng Nam	31TBN19	V	V	Không Đạt	
51	28206201805	Nguyễn Lê Thị Thảo Nguyên	27/10/2004	Đà Nẵng	30TBN8	8,7	5,0	Đạt	
52	28204606505	Phạm Thị Thảo Nguyên	06/06/2004	Quảng Nam	31SBN8	7,3	6,3	Đạt	
53	27215242486	Trần Minh Nguyên	25/07/2003	Đà Nẵng	31TBN19	6,7	5,5	Đạt	
54	28208005914	Bùi Ngọc Ánh Nguyệt	02/01/2004	Đà Nẵng	31TBN19	8,7	2,0	Không Đạt	
55	29206540953	Lê Thị Tuyết Nhi	17/04/2005	Thừa Thiên H	31TBN19	V	V	Không Đạt	
56	29207148399	Đỗ Võ Quỳnh Như	04/11/2005	Đắk Lắk	31TYC16	8,0	8,8	Đạt	
57	28204131271	Lê Phạm Quỳnh Như	15/09/2004	Quảng Ngãi	31THT6	5,3	7,8	Đạt	
58	29207129677	Phạm Thị Như	01/12/2005	Phú Yên	31TBN19	9,7	8,3	Đạt	
59	28204903707	Trương Thị Như	30/11/2004	Quảng Nam	31THT16	7,0	5,3	Đạt	
60	28208154763	Huỳnh Thị Mỹ Nhung	29/08/2004	Bình Định	31SBN9	6,3	8,5	Đạt	
61	28206502432	Đặng Thị Thu Nữ	20/08/2004	Quảng Ngãi	31TSC9	6,0	5,5	Đạt	
62	28204949551	Nguyễn Thị Thúy Ny	27/09/2004	Đà Nẵng	31TBN19	8,0	4,3	Không Đạt	
63	29214560253	Từ Duy Phát	11/06/2004	Quảng Ngãi	31TYC16	7,7	5,3	Đạt	
64	27211340732	Đặng Trần Phi	03/10/2003	Quảng Nam	31TBN1	6,3	5,0	Đạt	
65	28207252170	Nguyễn Thị Hoài Phong	13/04/2004	Quảng Ngãi	31TYC16	8,7	7,8	Đạt	
66	28215133276	Lê Bá Phước	06/10/2004	Đà Nẵng	31SHT9	7,3	5,5	Đạt	
67	27215352271	Dương Minh Phương	15/03/2003	Đắk Lắk	31TYC16	9,3	7,3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NOI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	24203304150	Đặng Thị Hồng	Phượng	16/08/2000	Đà Nẵng	31TBN19	9,3	5,0	Đạt	
69	28212303805	Nguyễn Trương	Quân	20/05/2004	Bình Định	31TBN19	5,7	3,5	Không Đạt	
70	29204620818	Nguyễn Thị Trúc	Quyên	02/04/2005	Quảng Nam	31TYC16	8,3	6,5	Đạt	
71	28208000947	Phan Nguyễn Hạnh	Quyên	30/07/2004	Đà Nẵng	31TBN19	8,3	3,3	Không Đạt	
72	28206254509	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	02/01/2004	Kon Tum	31SSC6	8,3	6,3	Đạt	
73	29207139859	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	30/01/2005	Phú Yên	31THT17	7,0	5,8	Đạt	
74	27204324881	Trịnh Thị Như	Quỳnh	26/05/2002	Quảng Bình	32CHT1	9,3	7,3	Đạt	
75	28212205604	Đặng Đức	Tài	14/10/2004	Phú Yên	31TBN19	10,0	10,0	Đạt	
76	28212401512	Phan Quang	Thái	16/05/2003	Quảng Trị	31TBN19	5,7	8,3	Đạt	
77	29207153161	Trần Thị	Thắm	06/02/2005	Đắk Lắk	31TBN19	8,3	5,3	Đạt	
78	29218059657	Đỗ Lê Quốc	Thắng	10/10/2005	Quảng Nam	31TBN19	10,0	6,5	Đạt	
79	27205249748	Trần Thị Minh	Thanh	21/07/2003	Gia Lai	31TBN19	7,7	3,5	Không Đạt	
80	29207145390	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	16/04/2005	Bình Định	31TBN19	5,7	3,5	Không Đạt	
81	28204635713	Trương Thị Phương	Thảo	18/04/2004	Huế	31TYC3	9,3	5,0	Đạt	
82	28204904011	Trần Ngọc Kiều	Thu	28/02/2003	Quảng Nam	31THT7	8,3	6,3	Đạt	
83	28208002336	Nguyễn Thị Hoài	Thương	11/02/2004	Đà Nẵng	31SBN9	7,3	5,3	Đạt	
84	29207129676	Nguyễn Thị	Thúy	06/02/2005	Đắk Lắk	31TBN19	7,0	5,0	Đạt	
85	28204147325	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	18/12/2004	Hồ Chí Minh	31TYC16	8,7	4,5	Không Đạt	
86	26212133814	Nguyễn Hữu	Toàn	21/07/2002	Đắk Lắk	29TSC7	6,7	5,5	Đạt	
87	28206501925	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	25/10/2004	Hồ Chí Minh	31TSC9	8,3	5,0	Đạt	
88	28204346816	Vũ Thị Huỳnh	Trâm	25/11/2004	Phú Yên	31TYC3	6,0	3,5	Không Đạt	
89	28204654381	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	15/07/2004	Đà Nẵng	31TBN19	3,3	5,0	Không Đạt	
90	28208001082	Lê Thị Bảo	Trang	10/05/2004	Quảng Ngãi	31TYC16	8,3	5,0	Đạt	
91	28205053984	Lê Thị Thùy	Trang	28/08/2004	Quảng Trị	31TBN14	9,7	5,5	Đạt	
92	28207336826	Hoàng Phan Kiều	Trinh	02/10/2004	Đà Nẵng	31TYC16	V	V	Không Đạt	
93	28216906485	Trần Quốc	Trường	14/11/2004	Bình Định	32THT1	7,0	8,3	Đạt	
94	29207129687	Huỳnh Vũ Ái	Tuyết	04/11/2004	Phú Yên	31SYC8	5,3	5,0	Đạt	
95	28204621842	Trần Thị Ánh	Tuyết	21/02/2004	Đà Nẵng	31SHT9	7,0	5,5	Đạt	
96	28204303949	Nguyễn Thị Bảo	Uyên	02/01/2004	Quảng Nam	31THT3	4,7	5,8	Không Đạt	
97	29208049177	Nguyễn Thị Tú	Uyên	15/07/2005	Đà Nẵng	31TYC16	9,7	8,5	Đạt	
98	28204951738	Đỗ Lê Hồng	Vân	18/12/2004	Quảng Trị	31TYC2	7,0	7,0	Đạt	
99	28207250179	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	03/10/2004	Phú Yên	31TYC16	9,7	10,0	Đạt	
100	29204346972	Nguyễn Thanh Nhật	Vi	06/08/2005	Quảng Nam	31TBN19	8,3	5,0	Đạt	
101	28208155025	Nguyễn Thị Yến	Vi	05/04/2003	Quảng Nam	31TBN19	V	V	Không Đạt	
102	29212322550	Nguyễn Minh	Vĩ	17/12/2005	Quảng Nam	31TYC16	9,3	9,3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
103	28212438497	Trần Lê	Vinh	30/09/2002	Quảng Bình	31TBN19	8,3	5,0	Đạt	
104	28218049647	Nguyễn Anh	Vũ	18/11/2004	Quy Nhơn	31TYC16	8,0	6,5	Đạt	
105	28204806704	Lê Thị Bích	Vương	02/05/2004	Quảng Nam	31SHT10	8,7	4,3	Không Đạt	
106	29212344476	Thái Đình	Vương	09/08/2005	Gia Lai	31TYC16	10,0	9,8	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh